

LÝ LUẬN VỀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng

Giảng viên cao cấp

Đại học Sư phạm thành phố HCM

Mục tiêu của Chuyên đề

Giảng viên:

- Hiểu được những **khái niệm, nguyên tắc** cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước.
- Nắm vững **khái niệm chính sách, chính sách công** là công cụ quan trọng nhà nước sử dụng trong quản lý xã hội, quản lý ngành, lĩnh vực; trong đó có giáo dục.
- Hiểu được **nội dung, cách thức** kết hợp quản lý nước theo *ngành* và theo *lãnh thổ*.

LÝ LUẬN VỀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Nội dung:

- Hành chính nhà nước
- Chính sách công
- Kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và theo lãnh thổ

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hành chính: Hành chính công. NXB Khoa học kỹ thuật, 2010.
2. Viện Nghiên cứu và đào tạo về quản lý: Hành chính công và quản lý hiệu quả chính phủ. NXB Lao động xã hội, 2005.
3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (sửa đổi) được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013.
4. Đảng cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH bổ sung, sửa đổi năm 2011
5. Luật Tổ chức Chính phủ. 2015
6. Hoạch định và phân tích chính sách công - Giáo trình Đại học hành chính, NXB Thống Kê Hà Nội. 2014.
7. Nguyễn Ngọc Hiến (Chủ biên): Những giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam. NXB. CTQG, HN 2003.
8. Lê Chi Mai. Chính sách và quá trình chính sách. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

Thương hiệu của một quốc gia hoặc một đơn vị hành chính thời mở cửa, hội nhập phải có 3 hàm lượng:

1. **Hàm lượng trí tuệ**
2. **Hàm lượng công nghệ**
3. **Hàm lượng văn hóa**

Trong đó ***hàm lượng văn hóa là quan trọng***, bởi văn hóa là nền tảng, là gốc, là lõi để tạo nên một quốc gia, doanh nghiệp.

I. HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Nội dung:

- 1.1. Quản lý nhà nước và hành chính nhà nước
- 1.2. Các nguyên tắc hành chính nhà nước
- 1.3. Các chức năng cơ bản của hành chính nhà nước

Xã hội:

Quản lý xã hội:

Là quản lý các hoạt động của con người, giữa con người với nhau trong xã hội loài người. QLXH là một bộ phận của quản lý chung.

Đặc điểm của QLXH

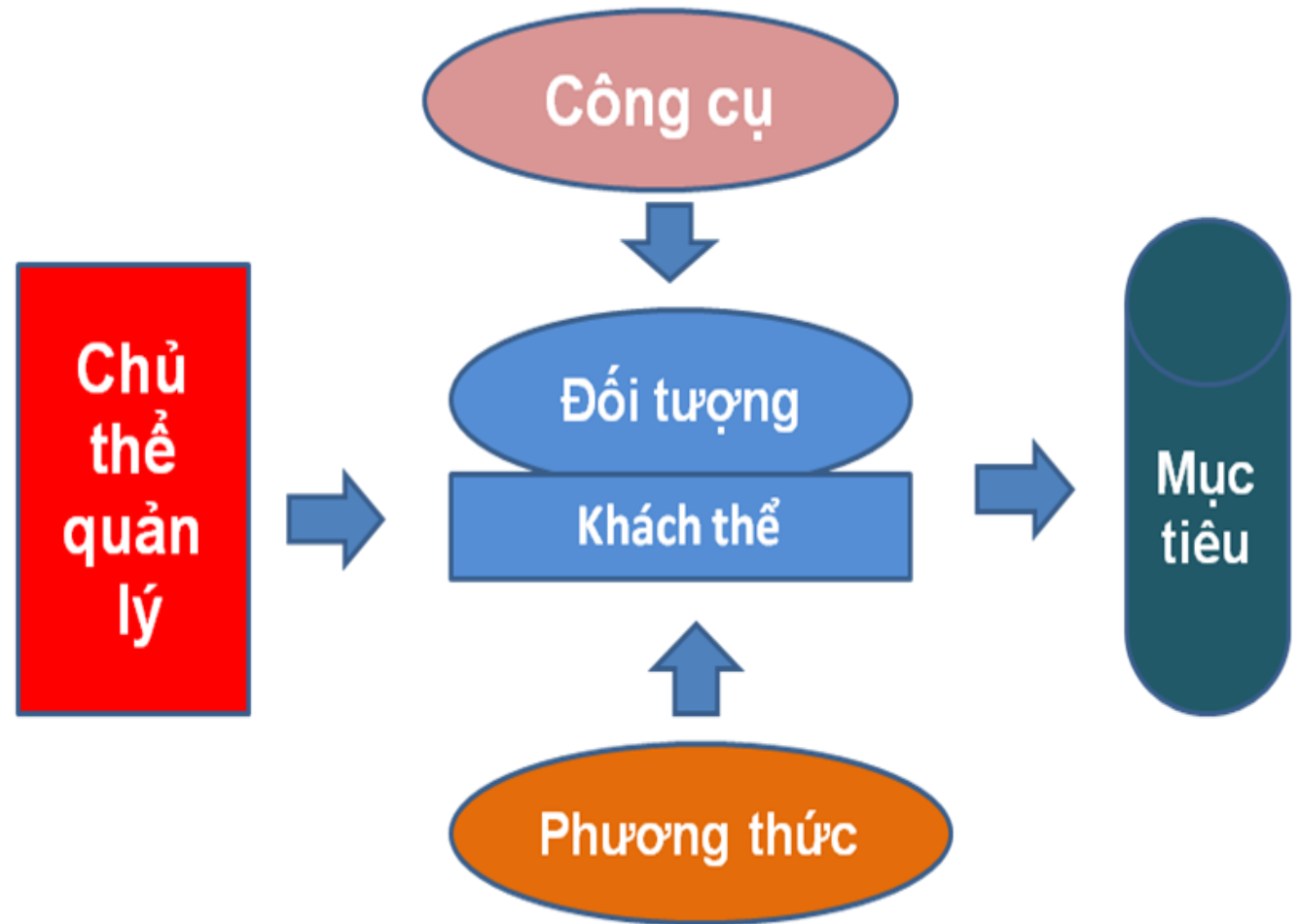
- + Có rất nhiều chủ thể tham gia: các đảng phái chính trị, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội nghề nghiệp, ...
- + Nhà nước giữ vai trò quan trọng.
- + Nhà nước là trung tâm của hệ thống chính trị, công cụ quan trọng nhất để quản lý xã hội

1.1. Quản lý nhà nước và hành chính nhà nước

1.1.1. Quản lý và quản lý nhà nước

Quản lý, có thể hiểu là sự tác động có định hướng và tổ chức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý bằng các phương thức nhất định để đạt tới những mục tiêu nhất định.

Sơ đồ quản lý:



Quản lý nhà nước

- Là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện và tồn tại của nhà nước.
- Là hoạt động quản lý gắn liền với hệ thống các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước - bộ phận quan trọng của quyền lực chính trị.
- Quản lý nhà nước được hiểu trước hết là hoạt động của các cơ quan nhà nước thực thi quyền lực nhà nước.

Quyền lực nhà nước

- Quyền lập pháp
- Quyền hành pháp
- Quyền tư pháp

*Ở Việt Nam, **Điều 2, Hiến pháp – 2013, qui định:** “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*

1.1.2. HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Hành chính là gì ?

Phải chăng:

- Hành là chính ?
- **Việc chính là Hành?**
- Là cai trị?

Hành chính

- Theo nghĩa rộng:

Là một thuật ngữ chỉ *một hoạt động* hoặc *tiến trình* chủ yếu có liên quan tới những biện pháp/giải pháp để thực thi những mục tiêu, nhiệm vụ đã được vạch sẵn.

- Theo nghĩa hẹp:

Hành chính là: hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước

HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

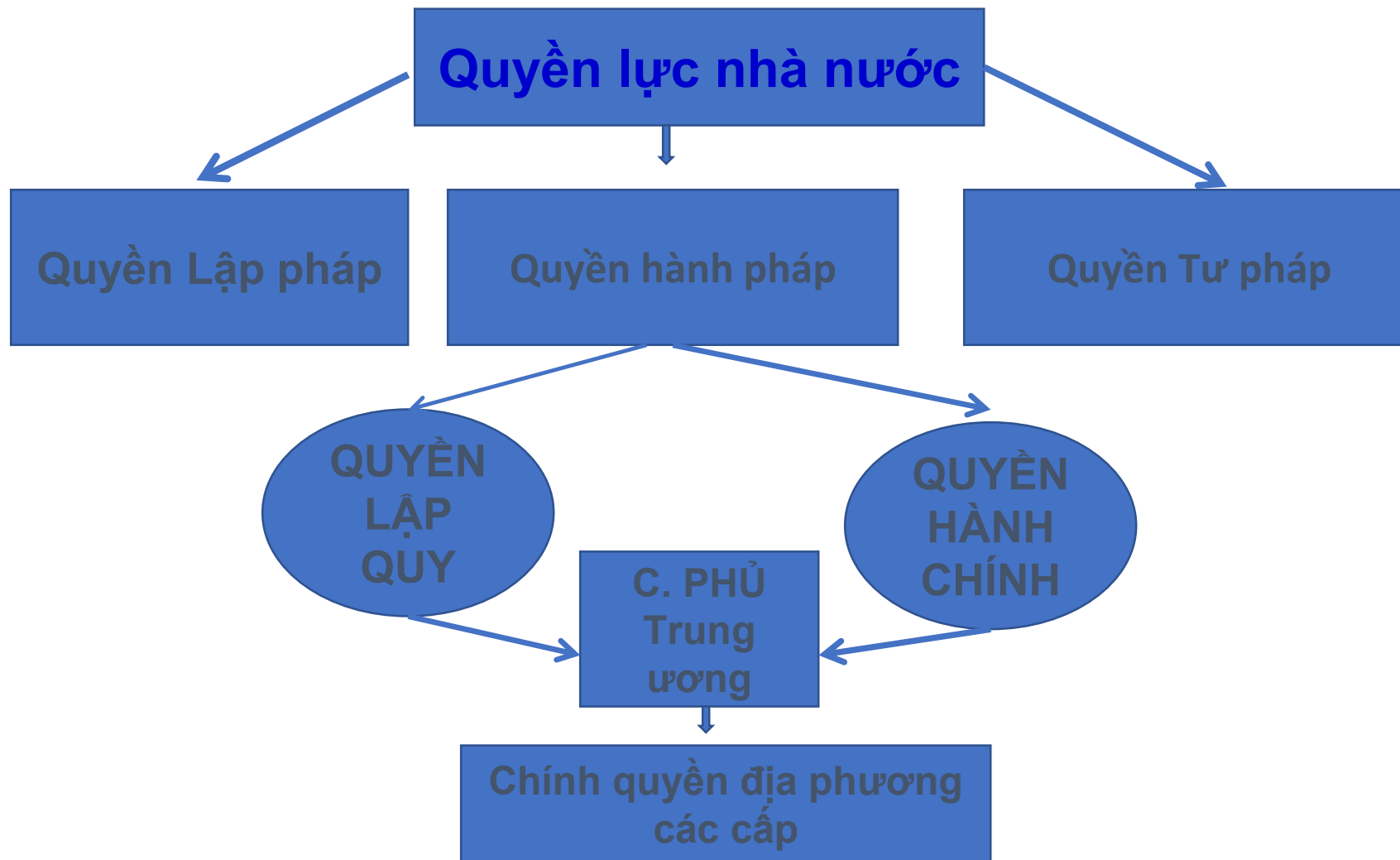
Hành chính công (Hành chính Nhà nước, Hành chính Quốc gia)

Là thiết chế được tạo thành bởi một hệ thống các pháp nhân công quyền (gồm Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước và công sở hành chính, sự nghiệp) có thẩm quyền tổ chức, quản lý và điều hành các quá trình kinh tế-xã hội và hoạt động của tổ chức, cá nhân bằng các quy phạm pháp luật.

Hành chính tư

Là công việc có tính chất hành chính của khu vực tư nhân, phi chính phủ, để phân biệt với Hành chính công

Quản lý Hành chính nhà nước:



Quản lý hành chính nhà nước?

Là hoạt động thực thi quyền hành pháp, là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực của nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người, do các cơ quan trong hệ thống hành chính từ trung ương đến địa phương tiến hành để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước, phát triển kinh tế, xã hội, duy trì trật tự an ninh, thỏa mãn nhu cầu hợp pháp của nhân dân.

QL Hành chính nhà nước

- Hành chính được hiểu là hoạt động chấp hành và điều hành trong việc quản lý một hệ thống theo những quy định định trước nhằm giúp cho hệ thống đó hoàn thành mục tiêu của mình.
- Trong hoạt động của nhà nước, hoạt động hành chính nhà nước gắn liền với việc thực hiện một bộ phận quan trọng của quyền lực nhà nước là quyền hành pháp – thực thi pháp luật.

Như vậy, hành chính nhà nước được hiểu là

1.2. Các nguyên tắc hành chính nhà nước

1.2.1. Khái niệm

Nguyên tắc:

Là những quy định mà cá nhân, tổ chức bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình thực hiện các hoạt động của mình.

Đó là các tiêu chuẩn định hướng cho hành vi của con người, tổ chức trong quá trình thực hiện mục tiêu chung

Nguyên tắc hành chính nhà nước

- Là những tư tưởng chỉ đạo, quy tắc, tiêu chuẩn hành vi đòi hỏi các chủ thể hành chính nhà nước phải tuân thủ trong quá trình tổ chức và hoạt động hành chính nhà nước
- Các nguyên tắc hành chính nhà nước phản ánh các quy luật của hành chính nhà nước và cần phù hợp với sự phát triển của xã hội nên vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan.

1.2.2. Các (6) nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước cơ bản

- + Nguyên tắc đảng cầm quyền lãnh đạo hành chính nhà nước
- + Nguyên tắc pháp trị
- + Nguyên tắc phục vụ
- + Nguyên tắc hiệu lực, hiệu quả
- + Nguyên tắc hoạt động hành chính nhà nước phải chịu sự giám sát chặt chẽ của công dân và xã hội.
- + Nguyên tắc tập trung dân chủ.

1.3. Các chức năng cơ bản của hành chính nhà nước

+ Khái niệm Chức năng hành chính nhà nước

Chức năng được hiểu là loại công việc, nhiệm vụ mà một cá nhân, bộ phận, cơ quan, tổ chức có thể làm được. Đối với một tổ chức, chức năng chính là các loại nhiệm vụ, công việc mà tổ chức đảm nhiệm, vì vậy, cụm từ “chức năng, nhiệm vụ” thường đi kèm với nhau khi nói về các công việc mà một tổ chức phải đảm nhiệm (*Từ điển Tiếng Việt. NXB. Giáo dục, 1994*).

+ Phân loại chức năng hành chính nhà nước

- Chức năng nội bộ (bên trong)

Là những chức năng liên quan tới việc tổ chức và điều hành hoạt động của nội bộ bộ máy hành chính nhà nước hay bên trong một cơ quan hành chính nhà nước.

Mục tiêu của việc nghiên cứu chức năng bên trong gồm: bảo đảm cho tổ chức có một cơ cấu hiệu quả nhất và tuân thủ theo pháp luật.

Ví dụ: Chức năng lập kế hoạch; chức năng tổ chức bộ máy hành chính; chức năng nhân sự; chức năng lãnh đạo; điều hành; chức năng phối hợp; chức năng quản lý ngân sách; chức năng kiểm soát.v.v.

+ Phân loại chức năng hành chính nhà nước

- Chức năng bên ngoài

Là chức năng tác động của bộ máy hành chính lên các đối tượng bên ngoài bộ máy hành chính để duy trì trật tự trong xã hội hay đảm bảo các dịch vụ công phục vụ sự phát triển của xã hội.

Nhóm chức năng này bao gồm:

- Chức năng điều tiết xã hội
- Chức năng cung cấp dịch vụ công.

II. CHÍNH SÁCH CÔNG

Nội dung:

- Tổng quan về chính sách công
- Hoạch định chính sách công
- Tổ chức thực hiện chính sách công
- Đánh giá chính sách công

1. TỔNG QUAN VỀ CHÍNH SÁCH CÔNG

1.1. Khái niệm.

Chính sách

Là những *hành vi ứng xử* của chủ thể với các *hiện tượng* tồn tại trong quá trình vận động phát triển nhằm đạt *mục tiêu* nhất định.

Một số quan niệm

- **Paul Samuelson** : “Chính sách còn *là sự thỏa hiệp* của Chính phủ đối với nền KT ngay cả khi không ban hành chính sách”.
- **James E.Anderson**: “Chính sách công là những hoạt động nên hay không nên làm do NN quyết định lựa chọn”.
- **Hoa Kỳ**: Chính sách công là tất cả những công việc mà chính quyền thi hành đến dân

Một số quan niệm

- **Chính sách công:** Là định hướng hành động của NN đối với các vấn đề nảy sinh trong đời sống XH nhằm hướng tới những mục tiêu của đất nước.

➡ Là một bộ phận của chiến lược, bao gồm những giải pháp và công cụ để thực hiện mục tiêu chiến lược.

• Các hành vi
ứng xử ở
cấp vĩ mô

Khía cạnh tâm
lý quần chúng

Cơ sở nền tảng
cho sự ra đời của
khoa học chính sách

Tính
toàn
cầu

Đặc
điểm
dân tộc

Đặc điểm văn
hóa xã hội

Các cử tri và các
nhà lãnh đạo

Tiếp cận theo thể chế NN

- Chính sách công là sản phẩm của các thể chế NN trong mỗi quan hệ hợp tác, kiểm tra, kiểm soát và khống chế, cân bằng nhau
- Là toàn bộ các nội dung được nhà nước quy định trong hệ thống văn bản pháp luật từ hiến pháp, các đạo luật đến các văn bản pháp qui.
- Thể chế NN khác nhau → hệ thống chính sách khác nhau giữa các nước.

Tiếp cận theo quan điểm QLHCNN

- **Chính sách công là những hoạt động cụ thể của Chính phủ - Là quá trình đưa ra các chính sách tác nghiệp cụ thể trên các lĩnh vực.**
 - Là báo cáo tường trình về ý tưởng của chính phủ nhằm đạt những mục tiêu nhất định trong những điều kiện cụ thể
 - Quan điểm của CP và cơ quan hành pháp về những việc sẽ làm hay không làm trong những điều kiện cụ thể.
 - Là kế hoạch định hướng cho các nhà quản lí trong hệ thống thực thi quyền hành pháp đưa ra các quyết định cần thiết phù hợp với môi trường chính trị, KT, XH tại địa phương nhằm biến ý tưởng chính sách thành sản phẩm cụ thể.
 - Ý định của cơ quan NN nhằm xác lập và hỗ trợ cho các doanh nghiệp có cơ hội thành công và phát triển trong kinh tế thị trường

Định nghĩa

Chính sách công là định hướng hành động mà nhà nước lựa chọn đối với các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội nhằm đạt được mục tiêu định trước

Vậy Đây là chính sách công?

- Chính sách của Liên hiệp quốc;
- Chính sách của một Đảng;
- Chính sách của Chính phủ;
- Chính sách của một Bộ;
- Chính sách của Chính quyền địa phương;
- Chính sách của một Tổ chức, Đoàn thể, Hiệp hội...
- Chính sách của một doanh nghiệp.

Mục tiêu

- Thể hiện những giá trị mà chủ thể ban hành chính sách hướng tới.
- Đó là các mục tiêu có tính định tính,
- Mục tiêu là yếu tố quyết định

Là những giá trị
tương lai mà Nhà
nước theo đuổi phù
hợp với thái độ ứng
xử của NN

Biện pháp

- Thể hiện *cách GQ vấn đề* của chủ thể ban hành CS
- Là các giải pháp để thực hiện mục tiêu
- Có tính chất như các cơ chế, QP xử sự chung
- Có nhiều loại biện pháp

Là cách thức Nhà
nước sử dụng cho phù
hợp với mục tiêu của
CS và thái độ ứng xử
của NN

Chủ thể của Chính sách công

- Là cá nhân, tổ chức tham gia vào quá trình chính sách
- *Những người tham gia xây dựng CS:*
 - Các nhà phân tích CS.
 - Nhóm ảnh hưởng đến quyết định CS.
 - Các nhà có thẩm quyền QĐ CS
- *Những người thực hiện chính sách*
- *Đối tượng của CSC (Chủ thể thụ hưởng và Đối tượng liên đới)*

1.2. Phân loại chính sách

- *Theo tiêu chí lĩnh vực hoạt động*

Bao gồm nhiều loại:

- CS kinh tế
- CS xã hội
- CS văn hoá
- CS giáo dục
- CS an ninh, quốc phòng
- CS đối ngoại
- ...

Theo chủ thể ban hành

- Chính sách của NN (còn gọi là Chính sách công),
- CS của các Doanh nghiệp,
- CS của các Tổ chức phi CP khác.

➔ Theo cách phân loại trên thì CSC là nền tảng cho CS các DN, các tổ chức phi CP; nên tính ổn định, tính bao hàm của CSC thường cao hơn.

Theo tiêu chí cấp độ chính quyền ban hành

- *Có nhiều ý kiến khác nhau:*

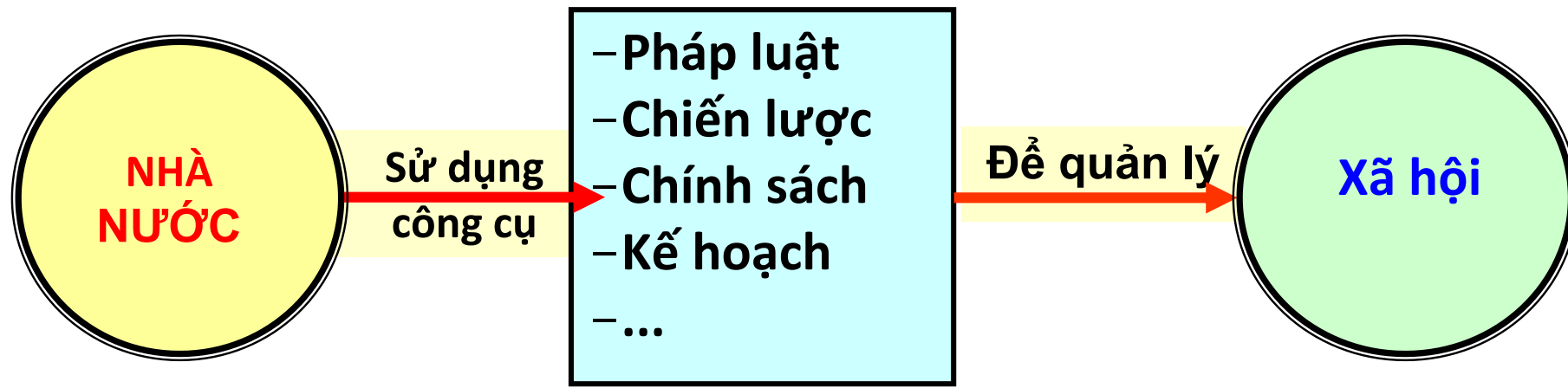
- ✓ CSC chỉ do chính quyền TW ban hành.
- ✓ CSC chủ yếu do chính quyền TW ban hành, chính quyền địa phương chủ yếu là thực thi CS. Hoặc chỉ đến chính quyền cấp tỉnh.
- ✓ Tất cả các cấp chính quyền từ TW đến địa phương đều có thẩm quyền ban hành CSC.

- *Phụ thuộc vào mức độ phân quyền của từng QG*

Theo tính chất ứng phó của chủ thể

- CS chủ động.
- CS thụ động
- ***Theo phạm vi quan hệ***
 - Chính sách đối nội.
 - Chính sách đối ngoại
- ***Theo tính chất tác động***
 - CS thúc đẩy - Kìm hãm
 - CS điều tiết - Tạo lập môi trường
 - CS tiết kiệm - Tiêu dùng
- ***Theo tiêu chí thời gian thực hiện***
 - Chính sách dài hạn
 - Chính sách trung hạn
 - Chính sách ngắn hạn

1.3. Tính công cụ của chính sách



Tính công cụ của chính sách

- Thể hiện được ý chí của chủ thể trong các mối QH đối nội, đối ngoại.
 - Chủ thể điều khiển được các quá trình KT, XH vận động theo ý muốn của mình.
 - Tạo dựng và củng cố mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng QL trong một môi trường nhất định.
 - Giúp đo lường kết quả quản lí của chủ thể.
- **Chính sách là một công cụ quản lí đặc lực của các chủ thể nói chung, Nhà nước nói riêng.**

Vai trò của CSC trong QLNN

- Định hướng
- Khuyến khích
- Kiểm chế, các tiêu cực trong đời sống KT-XH
- Tạo lập các cân đối trong phát triển
- Kiểm soát và phân phối nguồn lực.
- Tạo lập môi trường thích hợp cho các hoạt động KT – XH.
- Dẫn dắt, hỗ trợ.
- Phối hợp hoạt động.
- Điều chỉnh.
- Điều tiết.

1.3. Chu trình chính sách

Là quá trình luân chuyển các bước từ khởi sự/khởi đầu CS đến khi xác định được hiệu quả của CS trong đời sống XH.

Chu trình chính sách

Một cách tổng quát, có 3 giai đoạn:

1. Hoạch định CS
2. Thực thi chính CS
3. Đánh giá chính CS



2. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CÔNG

2.1. Khái niệm

Hoạch định chính sách công là toàn bộ quá trình nghiên cứu, xây dựng và ban hành đầy đủ một chính sách công.

Sau khi được ban hành, chính sách công sẽ có hiệu lực thực thi trong xã hội.

Giá trị pháp lý của một chính sách công được thể hiện ở thể thức, nội dung và thẩm quyền ban hành của các cơ quan quản lý nhà nước.

**Định hướng chính trị
của Đảng cầm quyền**

**Quan điểm phát
triển của chủ thể**

**Môi trường
tồn tại của
CSC**

2.2. Căn cứ hoạch định chính sách

**Tình
trạng
pháp luật**

**Năng lực thực tế
của đối tượng
thực thi CS**

**Nguyên tắc hoạch
định CS**

2.3. Ý nghĩa của một chính sách công tốt

- Hoạch định chính sách mở đường cho cả tiến trình chính sách.
- Hoạch định chính sách sẽ khởi xướng được những vấn đề mà xã hội cần giải quyết bằng chính sách.
- Hoạch định chính sách giúp cho việc củng cố niềm tin của nhân dân vào Nhà nước.
- Hoạch định chính sách sẽ thu hút được các bộ phận chức năng của toàn hệ thống quản lý vào những hoạt động theo định hướng.
- Hoạch định chính sách sẽ truyền đạt được cơ chế quản lý của nhà nước đến nền kinh tế trong từng thời kỳ.

2.4. Quy trình (các bước) hoạch định chính sách

1. Lý do hoạch định chính sách.
2. Xây dựng dự thảo các phương án chính sách.
3. Lựa chọn phương án dự thảo tốt nhất.
4. Hoàn thiện phương án lựa chọn.
5. Thẩm định phương án chính sách.
6. Quyết định ban hành chính sách.
7. Công bố chính sách công

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CÔNG

3.1. Khái niệm

Tổ chức thực hiện chính sách công là toàn bộ quá trình hoạt động của các chủ thể quản lý theo các phương thức khác nhau nhằm hiện thực hóa nội dung chính sách công một cách hiệu quả.

3.2. Ý nghĩa

- ❑ Tổ chức thực thi chính sách công là một khâu hợp thành chu trình chính sách.
- ❑ Là toàn bộ quá trình chuyển hoá ý chí của chủ thể trong chính sách thành hiện thực với các đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu định hướng.
- ❑ Là trung tâm kết nối các bước trong chu trình chính sách thành một hệ thống, nhất là với hoạch định chính sách.

So với các khâu khác trong chu trình chính sách, tổ chức thực thi có vị trí đặc biệt quan trọng, vì đây là bước hiện thực hoá chính sách trong đời sống xã hội.

3.3. Các bước tổ chức thực hiện CS công

1. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách.
2. Phổ biến, tuyên truyền chính sách công
3. Phân công, phối hợp thực hiện chính sách công
4. Duy trì chính sách công
5. Điều chỉnh chính sách
6. Theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách công
7. Đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm.

3.4.Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện CS

- *Nhóm môi trường:*

- Thể chế chính trị và sự phân bổ quyền lực NN
- Các nhóm CT và nhóm lợi ích đặc biệt.
- Các mối quan hệ chính trị quốc tế và khu vực.
- Sự ủng hộ của quần chúng
- Môi trường kinh tế
- Văn hóa xã hội

Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách

- *Nhóm lĩnh vực:*

- ✓ Đa ngành.
- ✓ Đơn ngành
- ✓ Mới xuất hiện hay đã có từ lâu?
- ✓ Là CS hậu quả hay CS độc lập?
- ✓ Là vấn đề KT-XH hay CT, XH, tôn giáo, dân tộc?

Các nhân tố ảnh hưởng

- *Phụ thuộc độ phức tạp và kết cấu của CS*
 - Vấn đề CS kết cấu tốt, dễ nhận thức
 - *Kết cấu yếu, có thể chịu nhiều tác động*
 - Mức độ phụ thuộc lẫn nhau của vấn đề CS
 - *Tính chủ quan cao thấp của vấn đề CS*
 - Mức độ biến động của CS

Các nhân tố ảnh hưởng

- *Nhân tố kinh tế thị trường:*

- Thông tin,
- Quy tắc,
- luật lệ,
- lòng tin,
- hệ thống thể chế,
- hệ thống QL tài chính,
- Hệ thống bảo hiểm XH và bảo đảm XH,

- Quốc hội và hệ thống PL,
- Hệ thống chính quyền địa phương,
- Các tổ chức chống độc quyền,
- Hệ thống kiểm soát xuất, nhập cảnh

- Hệ thống thống kê và cung cấp thông tin tin cậy,
- Đội ngũ công chức đủ đức đủ tài...

Các nhân tố ảnh hưởng

- *Tổ chức của cơ quan thực hiện CS*

Công dân, nhà hoạch định CS, nhóm CT, nhóm lợi ích...

- *Năng lực* thiết kế, thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án triển khai thực hiện CS.

- *Nguồn tài chính* cần thiết.

- *Hệ thống thể chế, thủ tục hành chính*

4. Đánh giá chính sách công

4.1. Khái niệm:

- ❑ Đánh giá chính sách công là việc kiểm tra thực tế một cách có hệ thống những tác động của việc thực hiện các giải pháp chính sách để từ đó xác định liệu có đạt mục tiêu mong muốn hay không.
- ❑ Là quá trình xem xét các sản phẩm đầu ra và kết dự kiến với các sản phẩm đầu ra và kết quả thực tế trong qua trình tổ chức thực hiện chính sách công.
- ❑ Đánh giá chính sách công giúp các chủ thể tham gia học được những gì qua đánh giá.

4.2. Nội dung đánh giá chính sách công

- Sứ mệnh lịch sử của CS.
- Khả năng ứng phó của CS.
- Thời hạn tồn tại của CS.
- Giá trị tương lai của CS.
- **Đánh giá đầu vào**
- **Đánh giá đầu ra**
- **Đánh giá hiệu lực**
- **Đánh giá hiệu quả**
- **Đánh giá quá trình**



Quy trình đánh giá



Stop

Nguyễn Kim Hồng

58

Phần 3: KẾT HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO NGÀNH VÀ LÃNH THỔ

NỘI DUNG

1. **Khái quát về kết hợp trong quản lý NN**
2. **Nguyên tắc kết hợp QLNN theo ngành và lãnh thổ**
3. **Nội dung kết hợp QL theo ngành và lãnh thổ**

Tài liệu tham khảo

- 1) Luật Tổ chức Chính phủ số 32/2001/QH10 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/12/2001.
- 2) Nghị định 178/2007/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.
- 3) Nghị định số 30/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ.
- 4) Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- 5) Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2005 quy định về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
- 6) Ngân Hàng phát triển Châu á: Phục vụ và duy trì: *Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh*. NXB. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2003.
- 7) Võ Kim Sơn, Phân cấp quản lý nhà nước - Lý luận và thực tiễn. NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2004.
- 8) Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, giáo trình Quản trị học. NXB Tài chính, 2009.
- 9) Mark. H. McCormack, Làm thế nào để đạt hiệu quả trong công việc. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001.

I. KHÁI QUÁT VỀ KẾT HỢP TRONG QLNN THEO NGÀNH VÀ LÃNH THỔ

Nội dung:

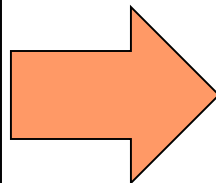
- 1. Khái niệm kết hợp**
- 2. Quản lý nhà nước theo ngành**
- 3. Quản lý nhà nước theo lãnh thổ**

1. Kết hợp quản lý trong hoạt động công vụ

Thuật ngữ: Kết hợp

có mối quan hệ,
tương đồng,
gần gũi
với nhiều
thuật ngữ khác

**Kết
hợp**



- Hỗ trợ
- **Cộng tác**
- Phối hợp
- **Kết nối**
- Liên kết
- **Khớp nối**
- Hợp lực
- **Hợp tác**
- Liên hiệp
- **Điều hòa**

Kết hợp

Trong nghiên cứu khoa học cũng như trong quản lý, “**Kết hợp**” được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau,

Vì vậy, thuật ngữ này được hiểu không giống nhau.

Kết hợp

- “ Kết hợp là cùng hành động hoặc hoạt động hỗ trợ lẫn nhau; kết hợp tác chiến, kết hợp công tác, *kết hợp Đông Y và Tây Y* (sử dụng Đông Y và Tây Y hỗ trợ lẫn nhau)”. (*Từ điển Tiếng Việt.NXB Đà Nẵng Hà Nội - Đà Nẵng 1997. tr 759*).
- “ Kết hợp tức là kết nối, liên hợp điều hoà tất cả các hoạt động và lực lượng”. (*Henri Fayol (Pháp) quản lý công nghiệp và quản lý nói chung (tinh hoa quản lý).NXB Lao động – Xã hội. Hà Nội. 2004.tr 73*).

Tại sao phải Kết hợp ?

- Yêu cầu của:

- + Xã hội loài người
- + Sản xuất
- + Giao lưu văn hóa
- + Quá trình toàn cầu hóa

Tại sao phải Kết hợp trong QLHCNN

- Sự phát triển của nền Hành chính công
- Chức năng của nền HCNN
- Trong thực tiễn hoạt động của nền HCNN

Có thể hiểu:

Kết hợp trong quản lý hành chính nhà nước là quá trình liên kết các hoạt động hỗ trợ, hợp tác lẫn nhau của cán bộ, công chức, các cơ quan hành chính nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong quản lý nhà nước.

Bởi vậy:

Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ được hiểu là:

- + Sự kết nối,
- + Hợp lực

giữa những cơ quan quản lý nhà nước khác nhau về chức năng, nhiệm vụ cơ bản để bù đắp, bổ sung cho nhau những hạn chế hay điểm mạnh của mỗi bên để đạt được mục tiêu quản lý của Nhà nước

Lợi ích của Kết hợp

- Kết hợp nhằm góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong quản lý hành chính nhà nước.
- Kết hợp đem lại lợi ích thiết thực trong việc xác định vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể khi tham gia phối hợp hoạt động trong quản lý hành chính Nhà nước.
- Kết hợp là một yêu cầu cần thiết phải làm sau khi đã tiến hành chuyên môn hoá và phân công lao động.
- Tổ chức càng có cơ cấu tổ chức phức tạp thì càng cần phải đặt ra yêu cầu kết hợp tốt hơn.

Cơ chế kết hợp

- Cơ cấu tổ chức của hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước rất phức tạp:
 - + Tổ chức theo các phân hệ.
 - + Các hệ con trong từng phân hệ.
 - + Vừa có những tính chất chung, vừa có những tính chất riêng;
 - + Vừa độc lập tương đối với nhau trên một nguyên tắc nhất định, lại vừa có những mối liên hệ với nhau trong tổng thể.

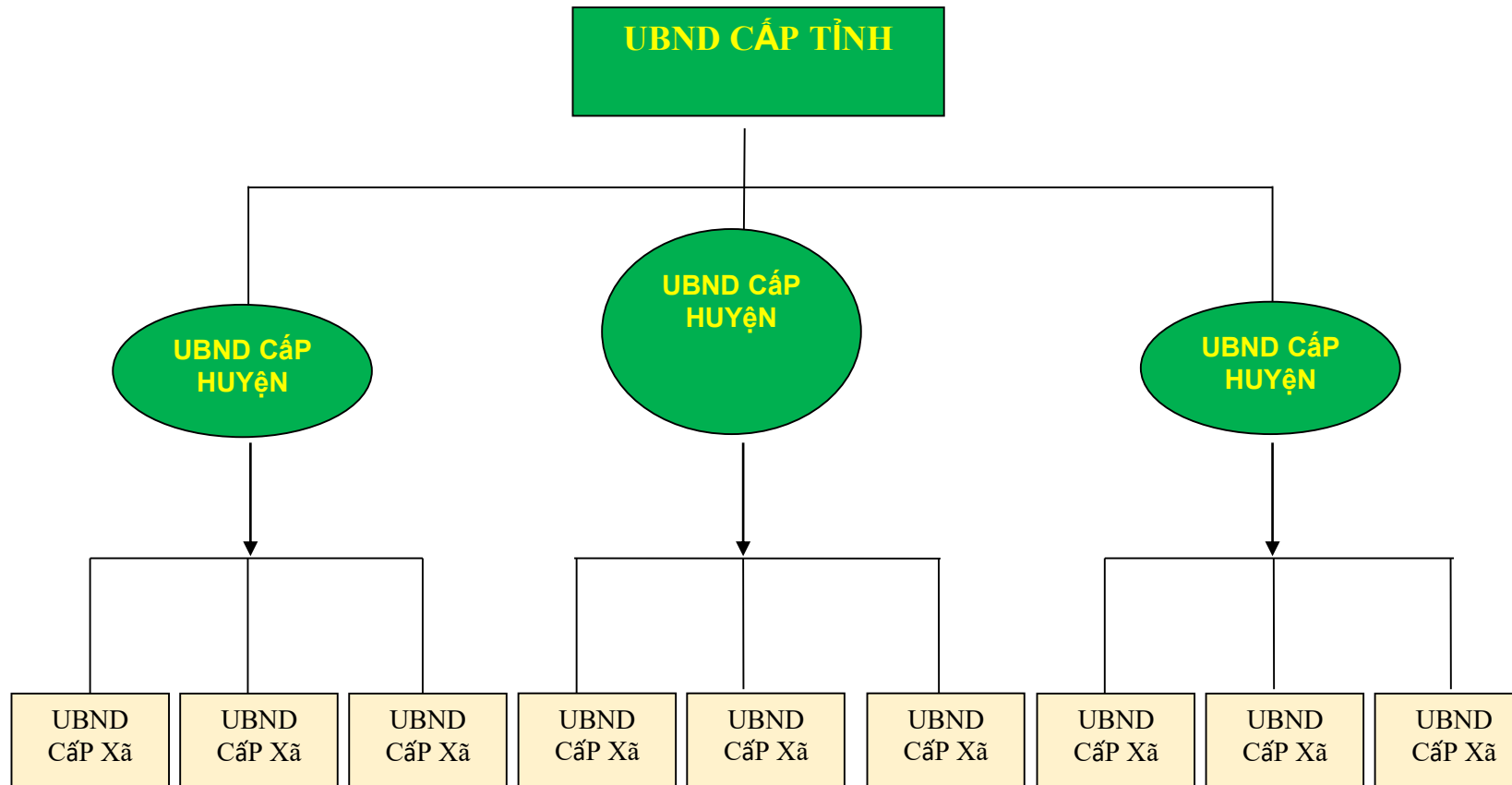
Vì vậy, việc kết hợp các hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, của các cán bộ, công chức luôn là một thách thức đối với các nhà quản lý công.

Kết hợp theo chiều dọc

- Trong quản lý hành chính nhà nước, các dạng kết hợp theo chiều dọc (giữa cấp trên và cấp dưới) và theo chiều ngang (giữa các cơ quan ngang cấp nhau) đều là các hoạt động phối hợp trong cùng một hệ thống hành chính nhà nước.
- **Phối hợp dọc** là cơ chế kết hợp mang tính thứ bậc trong quan hệ hành chính, thể hiện quyền lực của cấp trên đối với cấp dưới, được bảo đảm bằng các quy định trong nền hành chính mà ở đó cấp dưới có nghĩa vụ tuân thủ- đặc tính cố hữu của nền hành chính.

Vì vậy, cơ chế phối hợp này không có nhiều biểu hiện phức tạp.

Kết hợp theo chiều dọc (thứ bậc- Hierarchy)

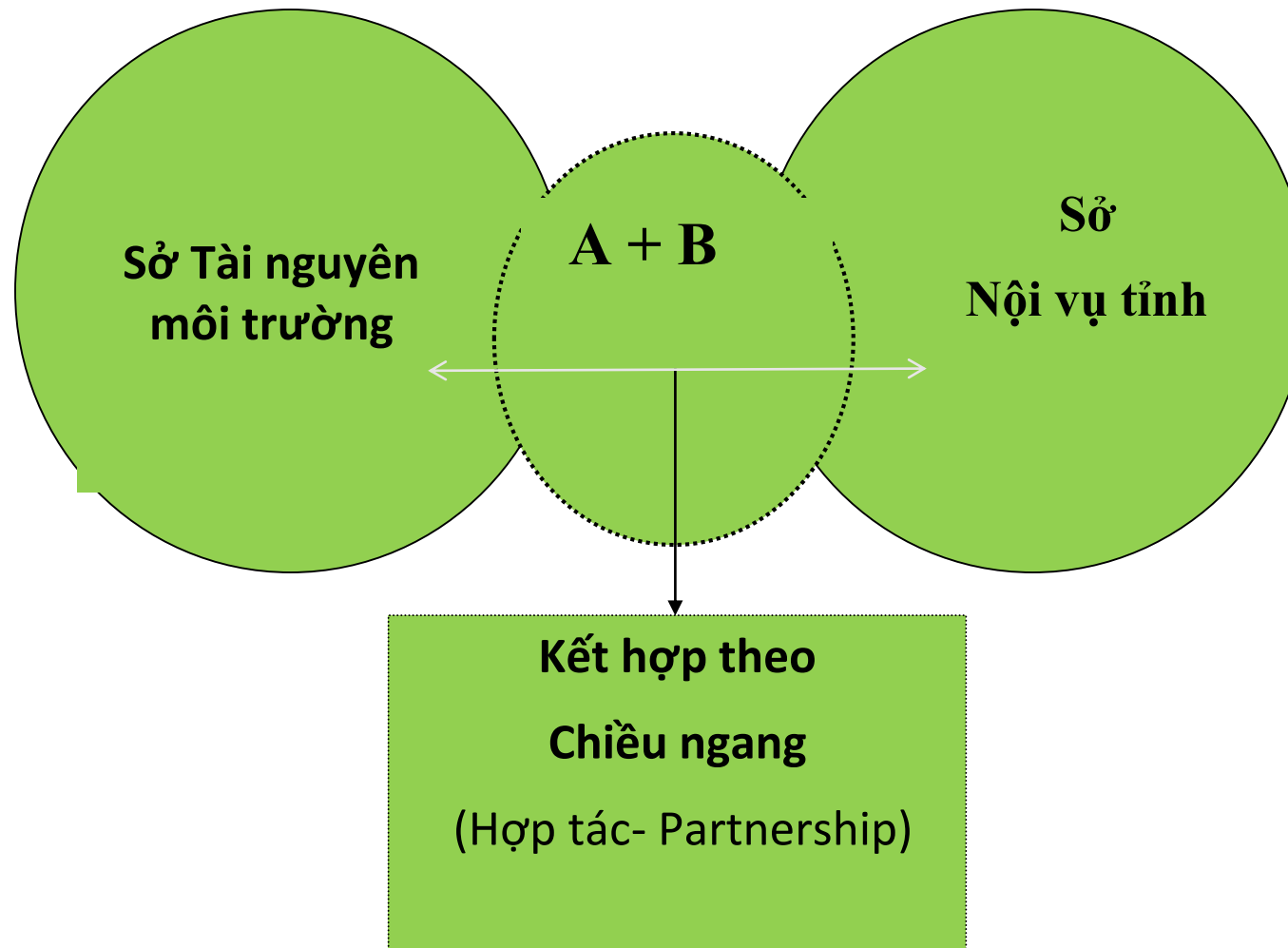


Kết hợp ngang

Là cơ chế kết hợp giữa các thiết chế đồng cấp trong các tổ chức hành chính nhà nước.

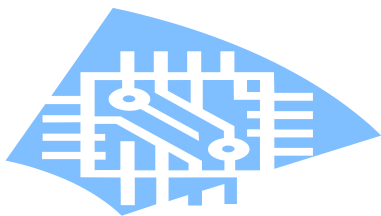
- Cơ chế kết hợp này diễn ra thường xuyên và phổ biến trong hoạt động QLHCNN,
- Mỗi cơ quan có những nhiệm vụ và quyền hạn riêng biệt, trong chừng mực nhất định một cơ quan có quyền chỉ phối các cơ quan khác khi tham gia vào hoạt động kết hợp. Trường hợp đó gọi là cơ chủ trì kết hợp, cơ quan chủ trì sẽ điều phối các hoạt động kết hợp và các cơ quan khác phải thực hiện theo sự điều phối của cơ quan chủ trì.

Ví dụ

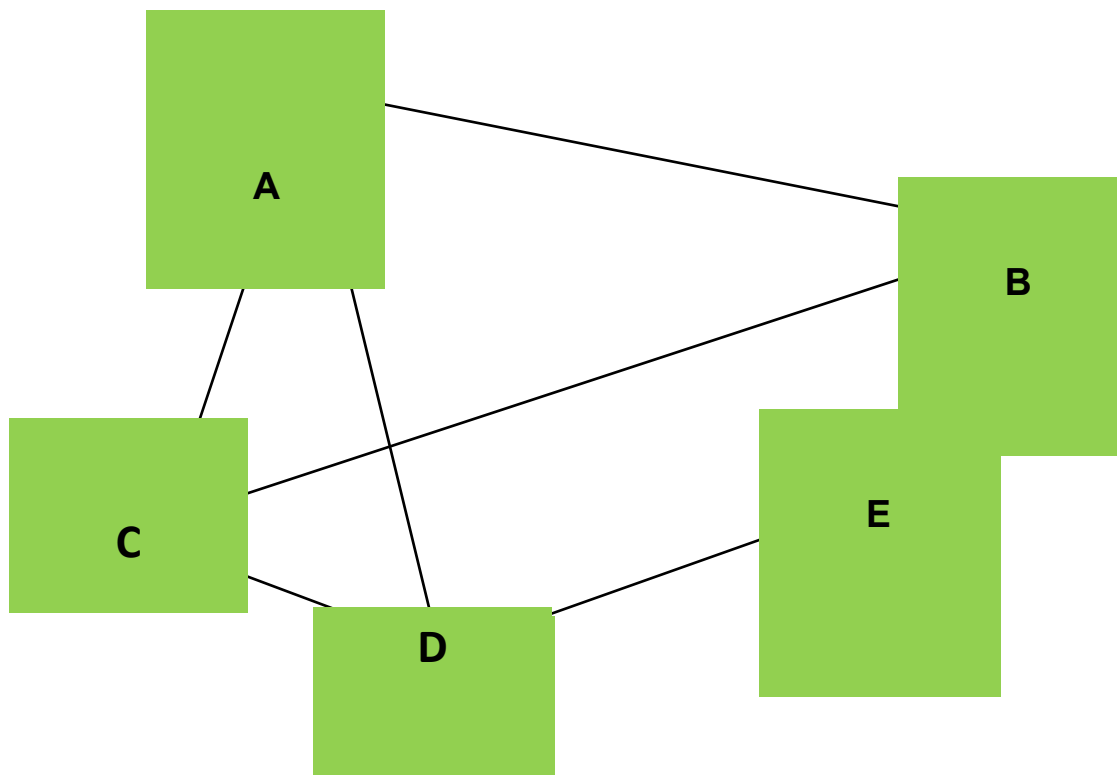


Kết hợp theo mạng lưới

- Là cơ chế chế kết hợp được thực hiện trên cơ sở nhiều thiết chế khác nhau với nhiều cơ quan tổ chức khác nhau.
- Có thể nói rằng đây là cơ chế kết hợp phức tạp nhất. Bởi:
 - + Hoạt động kết hợp này không những diễn ra trong hệ thống mà còn có sự kết hợp với các thiết chế ngoài hệ thống.
 - + Hoạt động kết hợp này được thực hiện trên cơ sở đảm bảo bằng tính quyền lực trong phạm vi thẩm quyền của các cơ quan hành chính nhà nước và các hoạt động đàm phán, thương lượng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân.
- Cơ chế kết hợp mạng lưới thường diễn ra khi tiến hành thực hiện các chương trình, dự án, chính sách... của nhà nước.
- Đó là các hoạt động kết hợp của các cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền chung, cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền riêng với các TC, cá nhân, nhóm lợi ích.



**Kết hợp theo
mạng lưới
(Network)**



Hình thức kết hợp

Có nhiều hình thức kết hợp

Thông thường có:

- + Kết hợp bên trong
- + Kết hợp bên ngoài

Cụ thể:



i. Kết hợp bên trong

- Đây là dạng kết hợp cơ bản, phổ biến trong quản lý hành chính ở địa phương.
- Các cơ quan quản lý có thẩm quyền ở địa phương dựa vào những quy định của pháp luật ban hành quy chế hoạt động trong hệ thống hành chính ở địa phương mình.
- Trong đó:
 - + Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức, từng thành viên uỷ ban,
 - + Mỗi quan hệ công tác giữa các thành viên với uỷ ban; giữa các thành viên với các cơ quan,

Theo cách Kết hợp này các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra việc thực hiện phối hợp trên cơ sở các quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân đồng thời kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch thường kỳ hay định kỳ qua đó sửa đổi, bổ sung những quy định phối hợp còn thiếu hoặc bất hợp lý.

ii. Kết hợp bên ngoài

- Là dạng hoạt động mang tính hướng ngoại nhằm để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Khi hướng ngoại thì nên hiểu rằng đó là sự Kết hợp thực hiện công việc phát sinh giữa các cơ quan, bộ phận không nằm trong nội bộ với nhau.
- Cách thức này có hai hình thức cơ bản:
 - + Tổ chức cuộc họp
 - + Thành lập tổ chức kết hợp

2. Kết hợp theo ngành và lãnh thổ trong QLNN

❖ QLNN theo ngành

❖ QLNN theo lãnh thổ

1. 1. QLNN theo ngành

i. Ngành

Khái niệm:

- Ngành (Branch) là: *‘Hệ thống cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương: ngành tài chính’* (Đại từ điển tiếng Việt, NXB Văn hóa-Thông tin, H.1999, Tr. 1183).

- Ngành là đơn vị tổng hợp của nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà trong hoạt động **có chung những đặc trưng về kỹ thuật, quy trình sản xuất** giống nhau hoặc tương tự nhau theo một quy trình kỹ thuật, công nghệ; sản xuất sản phẩm có chung nguyên liệu; sản phẩm làm ra có giá trị sử dụng giống nhau hoặc tương tự như nhau.

Từ đó, khái niệm ngành là muốn nhấn mạnh đến khía cạnh kinh tế-kỹ thuật; quy trình sản xuất, chế biến; phân phối hàng hoá và dịch vụ.

Bộ quản lý theo ngành là đề cập đến chức năng quản lý nhà nước theo từng ngành **cụ thể như**: quản lý nhà nước về nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, văn hóa, giáo dục.

❑ Để có cơ sở quản lý, Chính phủ ban hành [Nghị định số 73/CP, ngày 27/10/1993](#), về ban hành hệ thống ngành kinh tế quốc dân ở nước ta. **Theo đó, nước ta được chia thành 20 ngành cấp I.** <https://vanban.muabannhanh.com/nghi-dinh-75-cp-nam-1993-ban-hanh-he-thong-nganh-kinh-te-quoc-dan-18610.html>

❑ Cùng với sự phát triển về kinh tế-xã hội và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong những năm đổi mới; **ngày 23/1/2007 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam gồm 5 cấp:** <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/LegalDocuments/LegalDocumentsDetail/tabid/94/ArticleID/274/Quy%E1%BA%Bft-%C4%91%E1%BB%8Bnh-s%E1%BB%91-10-2007-Q%C4%90-TTG-ng%C3%A0y-23-01-2007-c%E1%BB%A7a-Th%E1%BB%A7-t%C6%B0%E1%BB%9Bng-Ch%C3%ADnh-ph%E1%BB%A7-v%E1%BB%81-vi%E1%BB%87c-ban-h%C3%A0nh-H%E1%BB%87-th%E1%BB%91ng-ng%C3%A0nh-kinh-t%E1%BA%BF-Vi%E1%BB%87t-Nam.aspx>

- **Ngành cấp 1:** gồm **21 ngành** được mã hoá theo bảng chữ cái lần lượt từ A đến U;
- **Ngành cấp 2:** gồm **88 ngành**; mỗi ngành mã hoá được bằng hai số theo từng ngành cấp 1 tương ứng;
- **Ngành cấp 3:** gồm **242 ngành**; mỗi ngành được mã hoá bằng ba số theo từng ngành cấp 2 tương ứng;
- **Ngành cấp 4:** gồm **437 ngành**; mỗi ngành được mã hoá bằng bốn số theo từng ngành cấp 3 tương ứng;
- **Ngành cấp 5:** gồm **642 ngành**; mỗi ngành được mã hoá bằng năm số theo từng ngành cấp 4 tương ứng.

ii. Lĩnh vực

Khái niệm:

- Lĩnh vực (Area) là: “**Phạm vi hoạt động hoặc quan tâm, lĩnh vực: the area of finance, training, development, etc: lĩnh vực tài chính, đào tạo, phát triển.v.v.**”, (Từ điển Anh-Việt, NXB KHXH, H-2003; trang 258).

Lĩnh vực: “**Phạm vi hoạt động hay xem xét nào đó. Phân biệt với phạm vi hoạt động hay xem xét khác**”, Đại từ điển Tiếng Việt, NXB Văn hóa-Thông tin, H.1999, Tr. 1025.

- Lĩnh vực là **tổng hợp những hiểu biết, chuyên môn trong hoạt động của đời sống con người về một nội dung nào đó.**

Bộ quản lý theo lĩnh vực là đề cập đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ theo từng lĩnh vực của đời sống xã hội, như: khoa học, công nghệ, môi trường, tài chính.v.v.

Phân chia ngành, lĩnh vực trong thực tế

- **Phân công lao động lần 1:** Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt.....
- **3 khu vực/ngành kinh tế:**
 - + Khu vực 1: Nông-lâm-ngư nghiệp
 - + Khu vực 2: Công nghiệp-xây dựng
 - + Khu vực 3: Dịch vụ
- **Theo tính chất/cấu trúc**
 - + Ngành kinh tế
 - + Ngành thuộc xã hội
 - + Ngành đặc thù (Quốc phòng, An ninh, Tôn giáo, dân tộc- **Nội chính**)

Giáo dục – đào tạo thuộc ngành nào ?

- + Ngành kinh tế
- + Ngành thuộc xã hội
- + Ngành đặc thù (Quốc phòng, An ninh, Tôn giáo, dân tộc - **Nội chính**)

III.QLNN theo ngành

Quản lý nhà nước theo ngành được hiểu *là sự chấp hành và điều hành của Nhà nước đến hoạt động của từng ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội để hoạt động của ngành, lĩnh vực đạt được mục tiêu đã định.*

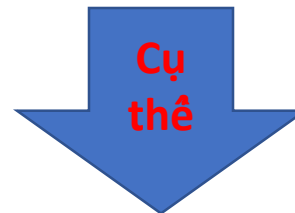
Nội dung QLNN theo ngành, lĩnh vực

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành;
2. Định hướng đầu tư xây dựng lực lượng ngành, giữ được vị trí của ngành trong cơ cấu chung, chống lại sự mất cân đối cơ cấu ngành;
3. Thống nhất tiêu chuẩn hóa, quy cách, chất lượng hàng hóa và dịch vụ, hình thành hệ thống tiêu chuẩn quốc gia;
4. Thực hiện chính sách quốc gia trong phát triển nguồn nhân lực, nguồn nguyên, nhiên liệu chung cho toàn ngành;
5. Thực hiện quản lý các khoản thu, chi;
6. Hợp tác quốc tế trong quản lý ngành;
7. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện pháp luật.

IV. QLNN theo Lãnh thổ

Khái niệm:

- **Lãnh thổ** (Territory): *toàn bộ vùng đất, vùng trời, vùng nội thủy và lãnh hải được giới hạn bởi biên giới quốc gia và thuộc chủ quyền của một quốc gia.*
- **Lãnh hải:** Vùng biển nằm ngoài và tiếp liền với lãnh thổ và nội thủy của một quốc gia có biển được quy định phù hợp với pháp luật quốc tế
- **Lãnh thổ quốc gia:** là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia và thuộc chủ quyền của một quốc gia, trong đó quốc gia có thể đặt chế độ pháp lý cho việc quản lý lãnh thổ của mình.
- **Lãnh thổ quốc gia bao gồm:**
 - + Vùng đất quốc gia (cả đảo và quần đảo)
 - + Vùng trời quốc gia
 - + Nội thủy
 - + Lãnh hải.



Lãnh thổ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Diện tích:

- + 332.698 Km²
(đất liền)
- + Trên 4000 hòn
đảo
- + Hơn 1 triệu Km²
mặt, đáy biển
- + Vùng trời



Nguyễn Kim Hồng

Đường cơ sở (thông thường): Là ngấn nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển. (Điều 5- Luật biển 1982)

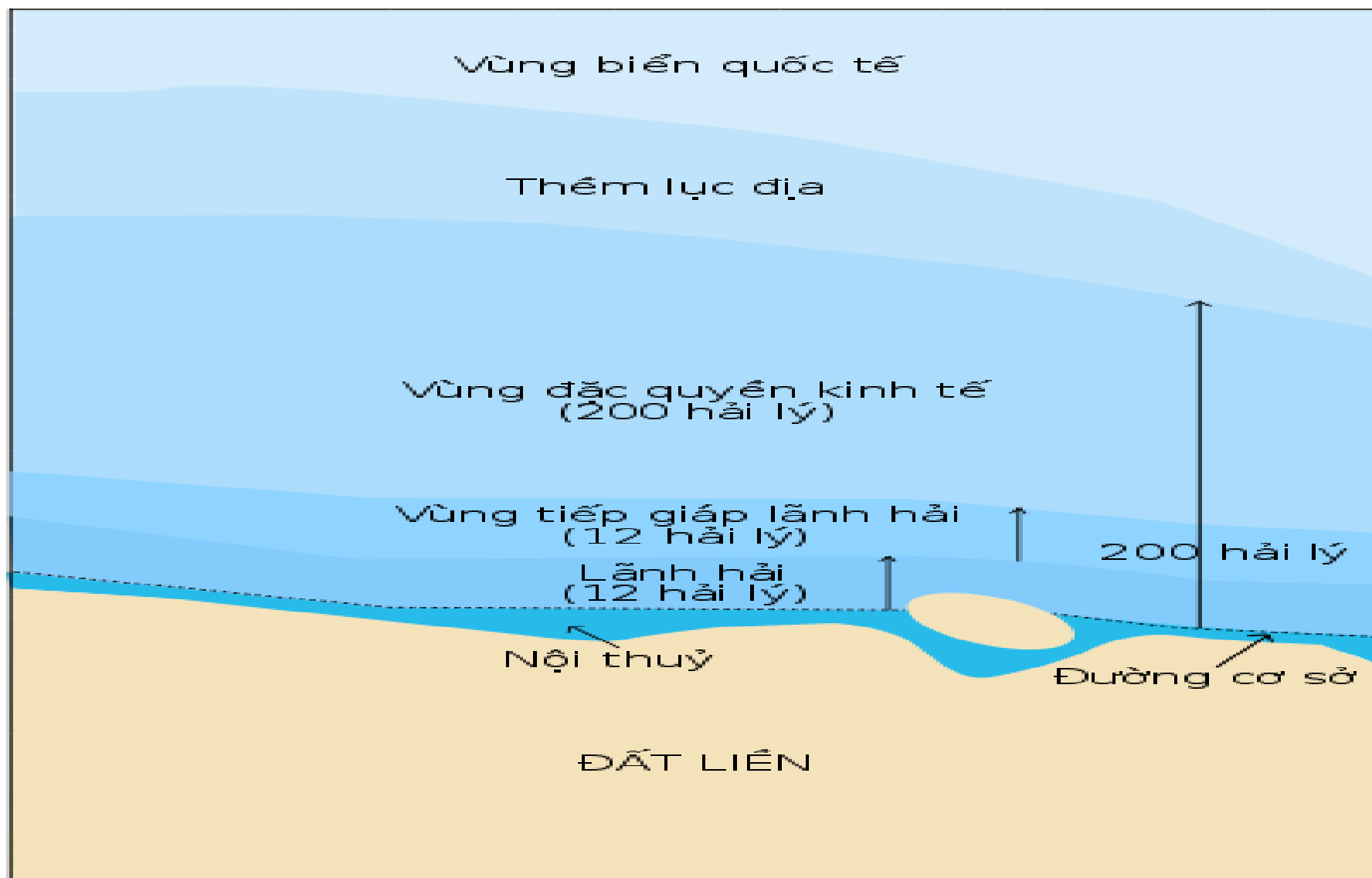
Nội thủy: Là vùng nước phía bên trong đường cơ sở

Lãnh hải: Là chủ quyền quốc gia ven biển được **mở rộng ra ngoài lãnh thổ và nội thủy** của mình... (Điều 2-Luật biển)-
Không vượt quá 12 hải lý kể từ đường cơ sở.

Vùng tiếp giáp: Trong một vùng tiếp giáp với lãnh hải của mình gọi là **vùng tiếp giáp**, quốc gia ven biển có thể thi hành sự kiểm soát cần thiết... **Không rộng quá 24 hải lý** kể từ đường cơ sở. (Điều 33-Luật biển).

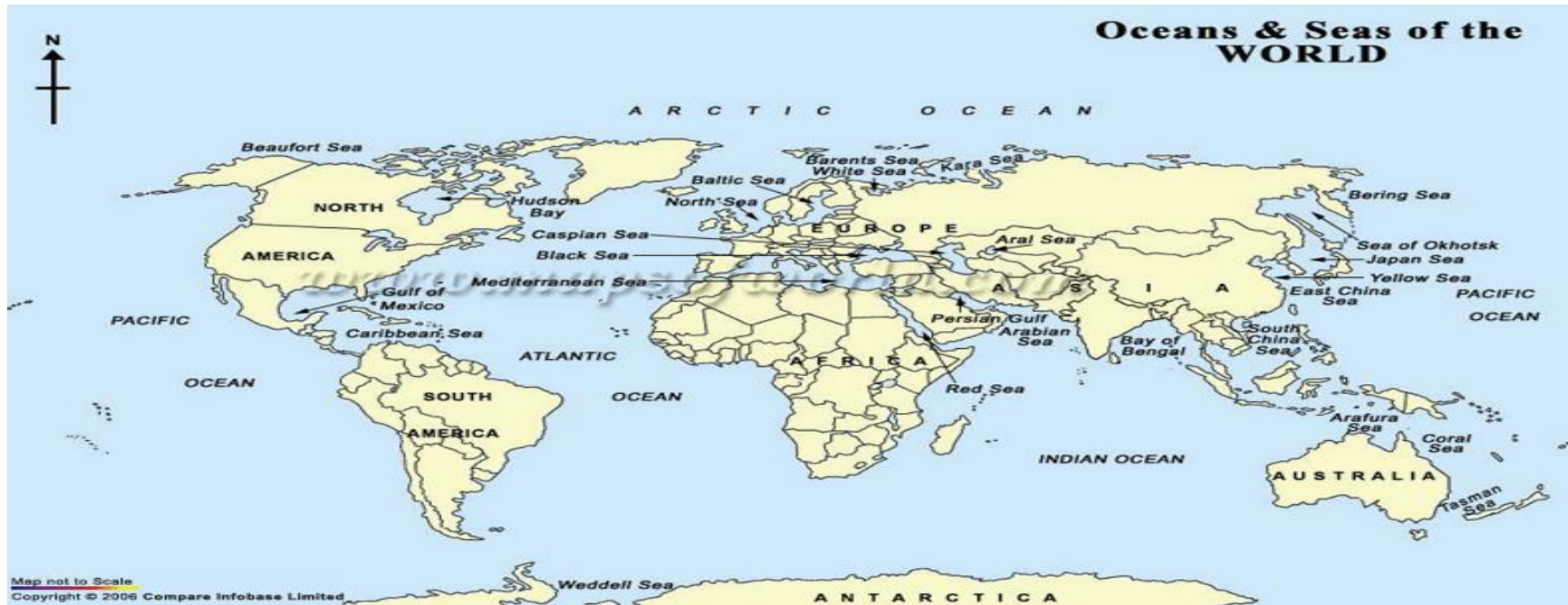
Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng nằm ngoài lãnh hải và tiếp giáp với lãnh hải.... (Điều 55-Luật biển). **Không mở rộng quá 200 hải lý** kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải. (Điều 57- Luật biển).

Lược đồ các vùng biển theo Luật biển Quốc tế-1992



Phân chia Vùng- Lãnh thổ

- Trái đất/Thế giới là một chỉnh thể/lãnh thổ thống nhất
- Diện tích 510 triệu km² (trong đó: S nước 361 triệu km²=71% S TĐ) - 1,5 tỷ Km³ nước= 97,3% tổng lượng nước Trái đất (Thủy cầu).
- Phân chia thành các Châu lục
- Phân chia thành các khu vực (Đông Nam Á, Nam Á....)



Vùng lãnh thổ: Dân tộc/Quốc gia/ Tổ quốc/ Nhà nước...

Những yếu tố cấu thành:

- + Có lãnh thổ riêng
- + Ngôn ngữ riêng (Quy ước)
- + Đời sống kinh tế riêng
- + Cấu tạo tâm lý riêng (Văn hóa)

Phân chia theo lãnh thổ ở Việt Nam

- Theo hình thái tự nhiên: 3 miền/vùng.

- + Miền Bắc
- + Miền Trung
- + Miền Nam

- Theo vùng sinh thái:

- + TD & MN phía Bắc
- + Đồng bằng sông Hồng
- + Duyên hải Bắc Trung Bộ
- + Duyên hải Nam Trung Bộ.
- + Tây Nguyên
- + Đông Nam Bộ
- + Đồng bằng sông Cửu Long



- **Vùng kinh tế lớn:**

- + TDMN Bắc bộ
- + Đồng bằng sông Hồng
- + Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung
- + Tây Nguyên
- + Đông Nam Bộ
- + Đồng bằng sông Cửu long

- **Vùng kinh tế trọng điểm:**

- + VKTTĐ Bắc Bộ gồm Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc Và Quảng Ninh.
- + VKTTĐ Miền Trung: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định
- + VKTTĐ phía Nam; TP HCM, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước
- + VKTTĐ ĐBS Cửu Long: Cần Thơ, Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau.

- **Vùng kinh tế động lực.v.v.v.**

Vùng hành chính-kinh tế

- Tương ứng với các đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện và xã.

- Cấp tỉnh:

63 (58 tỉnh và 5 TP trực thuộc TW)

Có: + 44 tỉnh thuộc đồng bằng, ven biển

+ 19 tỉnh thuộc TDMN

+ 29 tỉnh liên quan đến biển đảo

+ Quy mô DS, DT rất khác nhau: năm 2010,
Tỉnh có diện tích lớn nhất là Nghệ An: 16.490,7 km², nhỏ nhất: Hà Nam 860,2 km²

Dân số: **Nhiều nhất**: Thanh Hóa: 3,407 Triệu người

ít nhất: Bắc Kạn: 296,5 nghìn người

- Cấp huyện:

643 huyện (54 TP thuộc tỉnh, 43 thị xã, 546 huyện)

Có: 183 huyện thuộc khu vực khó khăn.

- Cấp xã:

11. 111 (624 thị trấn, 1.403 phường, 9.084 xã)

II. NGUYÊN TẮC KẾT HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO NGÀNH VÀ LÃNH THỔ

- Thống nhất mục tiêu
- Tuân thủ quy định pháp luật.
- Hợp tác toàn diện, chia sẻ thông tin.
- Phân định trách nhiệm.
- Bảo đảm hiệu quả công việc.

i. LÃNH ĐẠO THỐNG NHẤT/THỐNG NHẤT MỤC TIÊU

Nhà quản lý như nhạc trưởng

- Nhà quản lý vạch ra kế hoạch thống nhất nhằm lãnh đạo kết hợp phải là người chủ trì các cuộc họp, đứng đầu các ban chỉ đạo,
- Cần xây dựng nội dung hoạt động của các đơn vị tổ chức các bộ phận và các cá nhân.
- Trong tổ chức phải được văn bản hoá và phổ biến cho các bên có liên quan; quy chế phối hợp liên ngành cần được xây dựng trên nguyên tắc lợi ích của cho phù hợp

ii. Tuân thủ pháp luật

- Hoạt động kết hợp quản lý theo ngành với theo địa phương có thể được thực hiện bởi hai hoặc nhiều cơ quan.
- Tuy nhiên, hoạt động của các cơ quan công quyền được thực hiện thông qua những con người cụ thể. Các cán bộ, công chức tham gia vào các công việc cần phối, kết hợp từ xây dựng chính sách đến tổ chức thực thi phải đạt được sự đồng thuận để quản lý công việc có hiệu quả.
- quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm hợp tác giữa các bên tham gia phối hợp để các cơ quan thực hiện là cần thiết.
- Các chủ thể tham gia phối, kết hợp quản lý chấp hành quy định pháp luật về phối, kết hợp quản lý giữa ngành và địa phương là những biểu hiện của sự hợp tác công việc, hướng tới mục tiêu chung.
- Cần phải quy định các biện pháp chế tài, quy trách nhiệm đối với hành vi không thực thi pháp luật.

iii. Hợp tác toàn diện, chia sẻ thông tin

Yêu cầu các bên tham gia hoạt động kết hợp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhau một cách trung thực, chính xác và không vụ lợi.

- Bảo đảm các luồng thông tin từ trên xuống (ra quyết định quản lý), từ dưới lên và thông tin ngang được thông suốt. **Có các loại thông tin sau:**
 - + Thông tin nói (báo cáo miệng, cuộc họp, điện thoại)
 - + Thông tin viết (Báo cáo bằng văn bản, ấn phẩm, internet, ...)
- Hiện nay thì MIS (Management Information System – hệ thống thông tin quản lý) có vai trò rất quan trọng trong hoạt động phối hợp.
- Ngoài ra, sự tiếp xúc trực tiếp giữa các bộ phận, các công chức, cũng đem lại nhiều thông tin có ích cho hoạt động phối hợp.

Do đó, trong hoạt động kết hợp nói riêng cũng như trong hoạt động quản lý hành chính nói chung thông tin nên được trao đổi thường xuyên hơn.

iv. Phân định trách nhiệm

- Mỗi chủ thể, đơn vị chỉ chuyên về một việc, một lĩnh vực nhất định (chuyên môn hóa về cán bộ, sản xuất, sản xuất một sản phẩm...)- Theo ngành
- Nhưng phải có hợp tác hoá tức là từ các cá nhân trở thành tập thể, từ các tổ chức riêng lẻ đi đến hợp tác có tổ chức bằng cách phối hợp-Lãnh thổ ...

IV. Đảm bảo hiệu quả công việc

- ▶ Phải tuân thủ những yêu cầu, đòi hỏi của quy luật khách quan, không được áp đặt ý muốn chủ quan của mình làm cơ sở cho hoạt động kết hợp.
- ▶ Phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và phân tích những công việc cụ thể trên cơ sở thực tế đặt ra để xác định loại công việc cần phải kết hợp.
- ▶ Ngoài ra, trong nguyên tắc tổ chức còn có kết hợp ngay từ đầu.
- ▶ Tất cả các bên liên quan đều phải được dự tính trong kế hoạch;
- ▶ Các bên liên quan phải viết cam kết thực hiện kế hoạch kết hợp và các bên liên quan phải biết kỹ năng kết hợp.

III. NỘI DUNG KẾT HỢP QL THEO NGÀNH VÀ LÃNH THỔ

1. Xây dựng nội dung kết hợp

- i. Xây dựng cơ chế kết hợp
- ii. Xây dựng thể chế về kết hợp quản lý theo ngành và lãnh thổ.
- iii. Xác định phương thức kết hợp quản lý theo ngành và lãnh thổ.
- iv. Xác định thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm của cơ quan quản lý theo ngành và lãnh thổ.
- v. Xác định nguồn lực để đảm bảo thực hiện các hoạt động kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ.
- vi. Đôn đốc thực hiện, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ.

ĐẶC ĐIỂM QLNN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ LÃNH THỔ

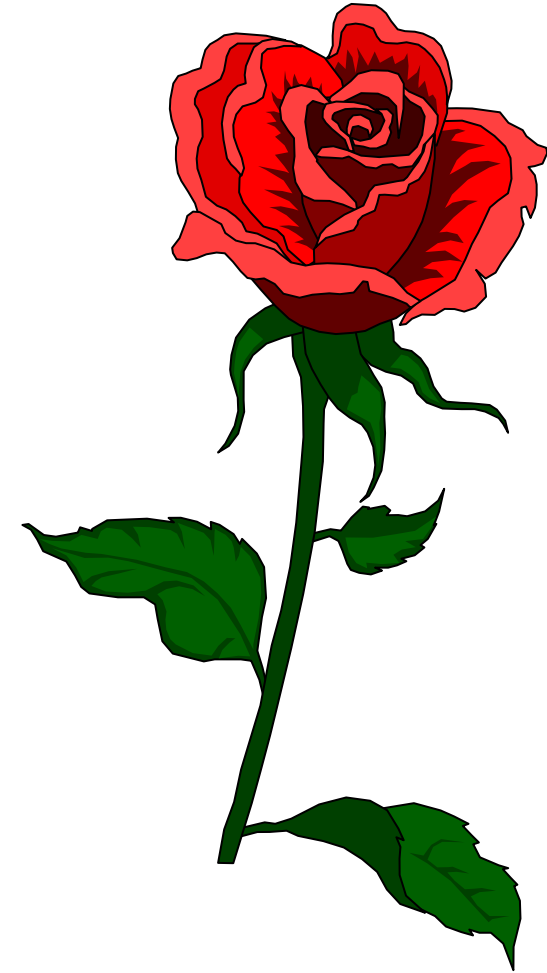
- ❑ **Đối tượng quản lý rộng**
- ❑ **Nội dung quản lý đa dạng**
- ❑ **Phương thức quản lý linh hoạt**

THÁCH THỨC TRONG QLNN THEO NGÀNH, LÃNH THỔ

1. Tác động của toàn cầu hóa
2. Tác động của nền kinh tế thị trường
3. Tác động của khoa học công nghệ
4. Những vấn đề quốc tế và khu vực
5. Phân hóa đa dạng của lãnh thổ

**Xin cảm ơn và kính chúc
Quý Thầy, Cô thành công**

**XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN
QUÍ THẦY, CÔ**



"Bụi phấn"-bản quyền tác giả GS.TS. Phạm hồng Quang:

Khi thầy chiếu trình,
Sờ lái (slide) rơi rơi
Có một vài từ rơi ra bụi giảng
Có một và hình trôi qua mắt mình
Em vui nhất tiết này
Thầy em có khi lại lo
Vì sao vì điện mất
cho nên màn hình không
Nay mai có ra trường
làm sao có thể nào quên
Thầy em toàn trình chiếu
nên em học lơ mơ.

Vào điệp khúc: "Nay mai có xa trường/làm sao có thể nào quên/thầy em còn "bụi phấn" nên em còn mộng mơ!"

